ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /GPMT-UBND	*Huế, ngày 23 tháng 01 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung tại Văn bản số 35/CV-MT ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, NPK và các chế phẩm sinh học; và Công văn số 01-QLMT ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, NPK và các chế phẩm sinh học và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 58/TTr-STNMT-MT ngày 22 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Tứ Hạ, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất

phân bón hữu cơ, NPK và các chế phẩm sinh học" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ, NPK và các chế phẩm sinh học.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Tứ Hạ, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, thành phố Huế

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3301123882 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Huế cấp, đăng ký lần đầu, ngày 08 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 04 tháng 01 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 3301123882.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất phân bón và đóng gói phân bón.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 22.596,4 m^2

- Quy mô, công suất: 20.000 tấn/năm, bao gồm:

+ Phân bón vô cơ: 10.000 tấn/năm.

+ Phân bón hữu cơ: 10.000 tấn/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung;
- UBND thị xã Hương Trà;
- UBND thị trấn Tứ Hạ;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN, NN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14/GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.

- Nguồn số 2: nước thải từ hoạt động rửa tay chân.

- Nguồn số 3: nước thải sinh hoạt từ nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: Toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh của Nhà máy được thu gom và xử lý thông qua hệ thống xử lý nước thải và có 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý của Nhà máy được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Tứ Hạ.

2.2.1. Vị trí xả nước thải: điểm giao nhau giữa ống xả nước thải và hệ thống thu gom nước thải của Cụm Công nghiệp Tứ Hạ, vị trí cạnh tường rào phía Đông của Nhà máy.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0):

X=1.827.066 (m), Y= 549.436 (m).

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m^3/ngày (24 giờ);

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức, xả ngầm.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/BTNMT, Giá trị C_{max}, cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9		
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	36		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 14:2008/BTNMT, Giá trị C_{max}, cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	60	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	600		
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	6		
7	Nitrat (NO_3^-)(tính theo N)	mg/L	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	6		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	7,2		
11	Tổng Coliform	MPN/ 100 mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước thải phát sinh

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh: được thu gom và xử lý sơ bộ thông qua bể tự hoại 3 ngăn, tiếp tục được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn: được thu gom và xử lý sơ bộ thông qua bể tách dầu mỡ, thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

- Nước thải từ hoạt động rửa tay chân được dẫn qua song chắn rác chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh qua các bể tự hoại, nước thải từ hoạt động rửa chân tay qua song chắn rác, nước thải nhà ăn qua bể tách dầu mỡ được thu gom bằng đường ống uPVC, D60mm, D90mm, có tổng chiều dài khoảng 360m dẫn về bể gom – điều hoà của hệ thống xử lý nước thải.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải phát sinh được trình bày như sau:

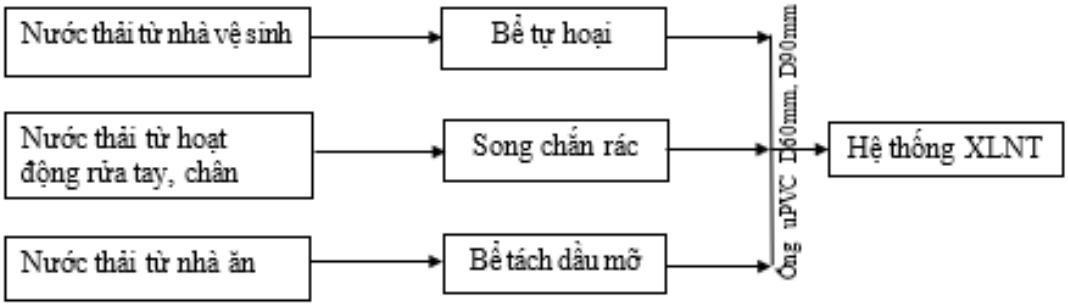

1.2. Thoát nước thải

Toàn bộ các nguồn nước thải sinh hoạt của Nhà máy được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải, sau đó được dẫn theo đường ống uPVC, D90mm ra hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Tứ Hạ.

1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nhà máy đã xây dựng 4 bể tự hoại, thể tích khoảng 2 m3/bể, tổng thể tích là 8m^3.

- Bể tách dầu mỡ của Nhà máy có thể tích 0,1m^3 (0,6m x 0,4m x 0,4m).

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất: 5 m^3/ngày.

+ Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải

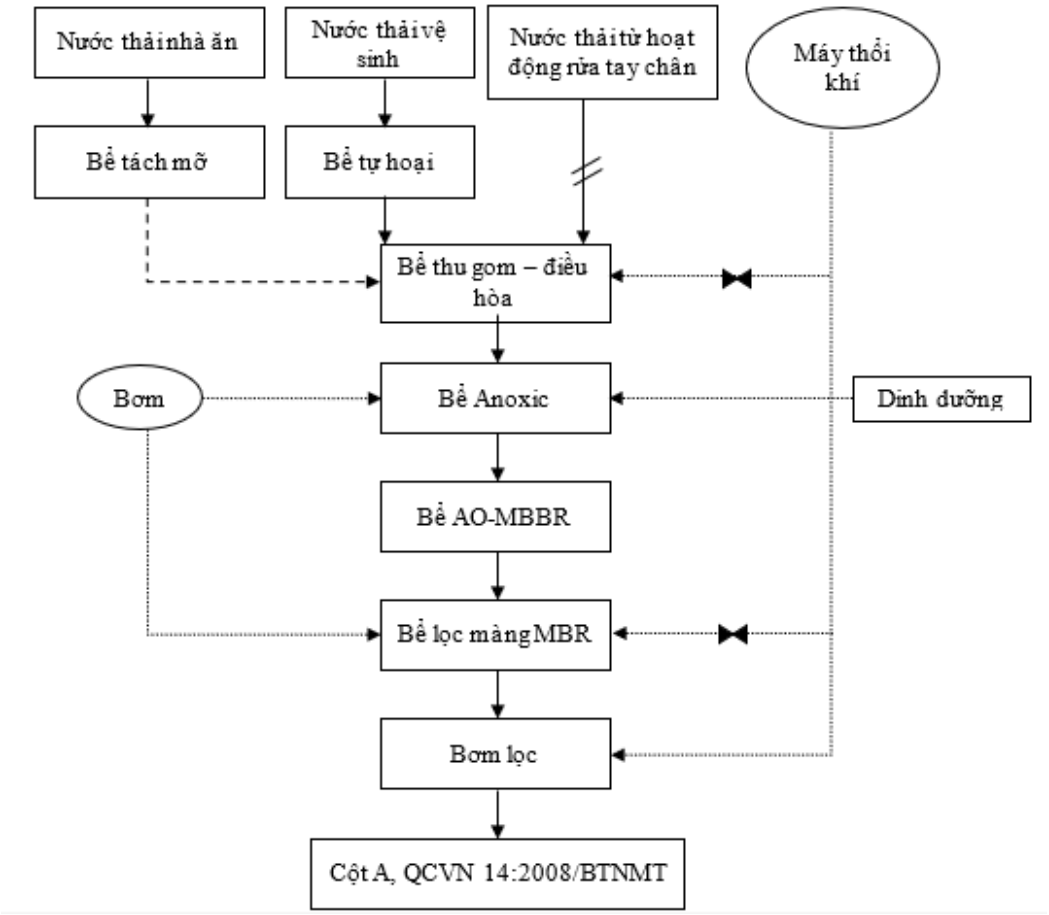

- Kích thước các bể xử lý, danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bể thu gom - điều hòa			
1.1	*Bể thu gom - điều hòa*	Bể xây bằng gạch, được phủ xi măng chống thấm, dài x rộng x cao: 1,5 x 3 x 1,5 (m)	Bể	01
1.2	*Bơm chìm bể điều hòa*	- Model: SH180 - Công suất: 0,18kW/380v/50Hz - Cột áp: 5m - Lưu lượng max: 2-4 m^3/h - Xuất xứ: Taiwan	Bộ	02
2	Phao điều khiển mức	- Dạng trái bi - Kiểu thả chìm - Xuất xứ: Italia	Bộ	01
3	Hộp tách rác	- Dài x rộng x cao 0,3x0,3x0,3(m) - Vật liệu SUS 304 - Xuất xứ: VN	Bộ	01
4	Bể thiếu khí Anoxic			
4.1	*Bồn nhựa xanh 2.000L*	Cao x rộng: 1,69 x 1,34(m).	Cái	01
4.2	*Hệ thống khuấy trộn nước (gia công)*		Bộ	01
5	Bể sinh học và bể MBR			
5.1	*Bồn làm bể sinh học và bể màng*	- Bồn nhựa xanh 1.500L: 1,54 x 1,19m (cao x rộng) - Bồn Plasma, HDPE, 06 lớp, chịu lực (Tân Á)	Bộ	02
5.2	*Hệ thống phân phối khí*	- Đường kính: 270mm - Đĩa khí tinh - Lưu lượng 1-6m^3/h - Xuất xứ: Taiwan	HT	02
5.3	*Bơm khí (airlift) nâng nội tuần hoàn khử ni tơ (gia công)*		Bộ	01
5.4	*Màng lọc MBR*	- Diện tích/ Surface Area: 13 (m^2/module) Vật liệu: PVDF - Nhà sản xuất: DEEFOS - Bao gồm: màng + khung màng	Bộ	01
5.5	*Máy thổi khí*	- Model: GB-1100s/2 - Công suất: 1,1KW/ 380V/ 50Hz - Kiểu con sò - Lưu lượng: 1,3 m^3/phút	Bộ	02

Stt	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		- Xuất xứ: Taiwan		
5.6	*Bơm định lượng dinh dưỡng, kiềm*	- Lưu lượng 4,8l/h - Công suất: 14w - Cột áp: 5 bar - Đầu bơm: PP chống hóa chất - Màng bơm: nhựa EP phủ TEFLON Xuất xứ: Korea	Bộ	02
5.7	*Bồn chứa hóa chất*	Bồn nhựa xanh, 300L: Bồn PE, Tân Á, Cao x rộng: 0,735 x 0,84(m).	Bộ	01
6	Bồn chứa nước sau xử lý và bồn chưa nước rửa màng	Bồn nhựa xanh 300L: Bồn nhựa PE, Tân Á, Cao x rộng: 0,735 x 0,84(m).	Bộ	02
7	Bơm hút và rửa màng	- Công suất: 200W/220v/50Hz - Đẩy/hút tối đa: 21m/9m - Lưu lượng: 45l/p - Nhà sản xuất: Panasonic	Cái	03
8	Hệ thống điều khiển	- Tủ điều khiển pLC, Logo simen - Thiết bị chính: LS – Korea - Thiết bị phụ: Asia - Vỏ tủ: sơn tĩnh điện - Xuất xứ: gia công – VN	HT	01

- Hóa chất trong xử lý nước thải

Stt	Hóa chất, chế phẩm	Công đoạn sử dụng	Mục đích sử dụng
1	Nước rửa màng Clorin 3%	Sau quá trình xử lý nước thải: bơm hút, rửa màng chạy tự động theo chương trình PLC, bơm hút chạy 9 phút, bơm rửa chạy 1 phút, các bơm hoạt động tuần tự theo chương trình.	Do màng MBR dễ bám bùn khi vận hành nên cần rửa định kì

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Tên công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Dự kiến tháng 02/2025	Dự kiến tháng 02/2025	5m^3/ngày.đêm

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thời gian thực hiện	Tần suất lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Quy chuẩn so sánh	Phương pháp lấy mẫu
Dự kiến tháng 02/2025	Thực hiện 3 đợt trong 3 ngày liên tục (tần suất 01 ngày/đợt)	02 vị trí: - Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải - Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	pH, TSS, TDS, BOD_5, amoni, photphat, nitrat, sunfua, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliform	Nước thải sau xử lý so sánh cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.	Lấy mẫu đơn

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Từ các hoạt động sản xuất của Nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực dây chuyền sản xuất của Nhà máy (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0) như sau:

X (m): 1.827.032; Y (m): Y= 549.380.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
QCVN 26:2010/BTNMT				
1	70	55	Theo yêu cầu của Chủ dự án, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	Theo yêu cầu của Chủ dự án, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nhà máy đầu tư sử dụng các loại máy móc và thiết bị hiện đại, được thiết kế tối ưu để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động;

- Máy móc được kiểm tra kỹ lưỡng để đảm bảo sự cân bằng trong quá trình lắp đặt. Việc vận hành máy tuân thủ nghiêm ngặt theo quy trình công nghệ được nhà sản xuất hướng dẫn, giúp giảm thiểu phát sinh tiếng ồn và độ rung không mong muốn;

- Thực hiện kiểm tra định kỳ độ cân bằng của máy móc, thiết bị, đồng thời theo dõi mức độ mài mòn của các chi tiết. Bổ sung dầu mỡ thường xuyên và thay thế kịp thời các chi tiết bị mài mòn nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định;

- Trang bị các kết cấu giảm ồn và rung như đệm cao su đàn hồi, lò xo chống rung cho máy móc và thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Nhà máy lắp đặt các thiết bị che chắn chuyên dụng cho hệ thống băng chuyền nhằm giảm thiểu tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình vận hành. Các thiết bị che đậy được làm từ vật liệu cách âm và chống rung, như tấm composite cách âm hoặc thép phủ lớp đệm cao su;

- Bố trí lịch trình xe ra vào Nhà máy hợp lý, hạn chế trường hợp nhiều xe vào cùng lúc để giảm thiểu tiếng ồn từ phương tiện. Yêu cầu các phương tiện tắt máy ngay sau khi đỗ để hạn chế tiếng ồn và khí thải;

- Công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn được trang bị đầy đủ nút chống ồn, tai nghe giảm ồn và các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết khác để bảo vệ sức khỏe và đảm bảo an toàn lao động; Trong ca làm việc, thường xuyên luân chuyển vị trí công nhân trong dây chuyền sản xuất nhằm tránh tiếp xúc lâu với khu vực có tiếng ồn lớn.

- Trồng cây xung quanh khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu lan truyền tiếng ồn từ hoạt động sản xuất và giao thông ra môi trường bên ngoài.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiến ồn và độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động, cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

Stt	Tên chất thải	Phương pháp xử lý	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	PT, CL	16 01 06	03
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	TĐ	18 02 01	05
Tổng cộng				**08**

1.2. Chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày của cán bộ công nhân viên tại Nhà máy, bao gồm: bao bì nilon, vỏ hộp, giấy coton, thủy tinh, sành sứ, thực phẩm thừa… Lượng rác thải sinh hoạt khoảng 1,62 tấn/năm.

- Các chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là nguyên liệu, phân rơi vãi và vỏ bao bì hỏng. Khối lượng chất thải rắn sản xuất ở công ty khoảng 405 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí nhà kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 15m², được xây dựng trên nền bê tông, xung quanh bao bọc bằng tôn. Bên trong kho được trang bị các thùng chứa riêng biệt để lưu trữ từng loại chất thải nguy hại. Phía bên ngoài kho có lắp đặt biển cảnh báo an toàn để đảm bảo tuân thủ quy định bảo vệ môi trường.

- Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại riêng đối với mỗi loại, chất liệu nhựa HDPE, thể tích 240L/thùng, trên đó có ghi rõ tên, loại, ký hiệu chất thải nguy hại.

- Quá trình bảo dưỡng thay thế định kỳ máy móc công ty hợp đồng với gara bên ngoài sửa chữa. Lượng dầu nhớt từ việc thay thế sữa chữa bên ngoài sẽ được gara thu gom và xử lý.

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế định kỳ 1 lần/năm, thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại của Nhà máy theo đúng quy định

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với chất thải rắn thông thường:

+ Đối với các loại nguyên liệu, phân rơi vãi, Nhà máy bố trí người thu gom và sử dụng như là nguyên liệu sản xuất ban đầu.

+ Công ty bố trí nhà kho chứa chất thải rắn thông thường để lưu trữ vỏ bao bì bị lỗi phát sinh trong quá trình sản xuất. Vỏ bao bì sẽ được tái sử dụng để chứa đựng nguyên liệu.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tập huấn, hướng dẫn cán bộ, công nhân của Nhà máy tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 4 nhóm: nhóm tái chế, tái sử dụng (giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại); nhóm chất thải thực phẩm; nhóm chất thải nguy hại; nhóm chất thải còn lại (theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế).

+ Trang cấp, bố trí 04 thùng chứa lớn có thể tích 240L, chất liệu nhựa HDPE. Hàng ngày, nhân viên Nhà máy thu gom, tập trung toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt vào 04 thùng chứa này.

+ Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế định kỳ các ngày 2, 4, 6 hàng tuần thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt của Nhà máy theo đúng quy định

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố hệ thống xử lý nước thải

* Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Công nhân vận hành được huấn luyện đầy đủ, tuân thủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí công nhân kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ.

- Theo dõi, kiểm tra vận hành hệ thống xử lý nước thải hàng ngày để có phương án ứng phó, khắc phục kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

** Phương án ứng phó sự cố:*

- Đối với máy móc thiết bị

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Cách phát hiện	Biện pháp khắc phục
1. Tủ điện điều khiển	Không hoạt động	Mất điện - Cầu chì hỏng - Bảo vệ pha không hoạt động - Tiếp điểm công tắc tổng tiếp xúc không tốt	Đèn báo hiệu Tủ điện, Kiểm tra bằng bút thử điện	- Nguồn điện dự phòng - Thay cầu chì - Thay mới
	Rờ le nhiệt bị nhảy	Giảm áp - Quá tải - Bị hư	Đèn báo - Kiểm tra bơm	Khởi động lại - Tăng bơm - Thay mới
	Man & Auto tiếp xúc không tốt	Tiếp điểm bị mòn - Dây điều khiển bị hỏng.	Đèn báo	Tiến hành vệ sinh - Thay mới
	Các Contactor xuất hiện tiếng kêu	Giảm áp - Tiếp điểm bị mòn	- Phát tiếng kêu	- Khởi động lại (reset contactor) - Tiến hành vệ sinh hoặc thay mới
	Cháy dây			Thay dây
2. Bơm chìm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước	Vật cứng chèn cánh bơm	Kiểm tra lưu lượng nước ra ở tại van thăm của bơm	Vệ sinh bơm
	Bơm hoạt động nhưng lên ít nước Bơm không hoạt động	Bị kẹt rác - Điện áp không đủ - Cháy bơm - Mất điện		Vệ sinh bơm - Khởi động lại Thay bơm - Kiểm tra và khởi động lại
3. Máy thổi khí	Đầu máy thổi khí nóng hơn bình thường	Không đủ mỡ bò và nhớt	Máy thổi khí	Bơm thêm mỡ bò và nhớt
	Đầu máy thổi khí kêu	Không đủ mỡ bò và nhớt		Bơm thêm mỡ bò và nhớt

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Cách phát hiện	Biện pháp khắc phục
	Dây cuaroa giãn hoặc hỏng	Lâu ngày		Tăng dây cuaroa hoặc thay mới
	Vỡ bạc đạn đầu thổi khí	Không đủ mỡ bò		Thay mới
	Motor không hoạt động	Mất điện - Cháy motor		Kiểm tra và khởi động lại - Quấn lại hoặc thay mới
4. Bơm Air lift	Không có nước thải bơm từ bể MBBR sang bể Anoxic	Mắc rác trong đường ống dẫn nước	Đầu ra ống dẫn nước ở bể Anoxic không có nước	Mở van cấp khí hết cỡ để tống hết rác mắc trong đường ống, sau đó điều chỉnh lại van.
		Không đủ khí		Mở van tăng thêm khí cho bơm
5. Màng MBR	Nghẹt màng	Nước rửa màng không đều vào các khe màng nhỏ	- Đồng hồ đo áp bơm hút - Chất lượng nước đầu ra	Kiểm tra bơm rửa, lượng nước cấp vào khi rửa màng. Mở van khí tăng thêm khí Dọn vệ sinh, lấy rác, vật thể ra khỏi màng
		Khí cấp không đủ khi rửa màng		
		Có cặn, rác kích thước lớn đi vào hệ thống		
2. Bơm rửa/hút màng	Bơm hoạt động nhưng không hút, bơm được nước	- Van, ống hút, đẩy bị hở, hỏng - Cánh bơm bị kẹt.	Kiểm tra lưu lượng nước ra ở tại van thăm của bơm	Kiểm tra, sửa chữa, thay mới van, ống hút Vệ sinh bơm - Khởi động lại Thay bơm - Kiểm tra và khởi động lại

- Đối với hệ vi sinh xử lý nước thải

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
1. Bùn nổi trên bề mặt bể lắng thứ cấp	Vi sinh sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn	Nếu SVI<100, có thể không phải do nguyên nhân.	Nếu DO tại đầu cuối bể MBBR < 1,5mg/l, tăng lượng khí thổi vào bể MBBR để DO tại cuối bể MBBR > 2mg/l. Giảm F/M.

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
			Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn. Bổ xung thiếu hụt dinh dưỡng để tỷ số đạt tỷ số: BOD:N:P:Fe=100:5:1:0,5. Thêm 5-10mg/l Clo vào bùn hồi lưu cho đến khi SVI<150 (cần được điều chỉnh trong vòng 2-3ngày). Tăng pH đến 7. Thêm 50-200mg/lhydroperoxit vào bể MBBR cho đến khi SVI<150.
	Quá trình Denitrat hóa xảy ra trong bể lắng thứ cấp; các bóng khí Nitơ xâm nhập vào hạt bùn và kéo bùn nổi lên trên bề mặt nước.	Kiểm tra nồng độ Nitrat ở dòng vào của bể lắng; nếu không nồng độ NO_3^- =0 thì không phải do nguyên nhân 1b.	Tăng tốc độ bùn hồi lưu (sẽ tăng tải trọng thủy lực của bể lắng và giảm thời gian lưu). Đồng thời tăng thời gian hồi lưu bùn. Tăng DO trong bể thông khí. Tăng F/M. Giảm lưu lượng nước thải nếu sự tăng tốc độ và thời gian hồi lưu bùn không có hiệu quả.
2. Váng bọt màu nâu đen bền vững trong bể MBBR mà phun nước vào cũng không thể phá vỡ ra. Chú ý: Nếu không gây ra sự cố,	F/M quá thấp.	Nếu F/M nhỏ hơn nhiều so với F/M thông thường thì đây chính là nguyên nhân.	Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải và phải kiểm tra cẩn thận. Giảm lưu lượng bùn hồi lưu.

Biểu hiện	Nguyên nhân	Kiểm tra	Giải pháp
không làm gì cả.			
3. Lớp sóng bọt trắng dày trong bể MBBR	MLSS quá thấp.	Kiểm tra MLSS.	Giảm bùn thải để tăng MLSS, có nghĩa là sẽ giảm F/M.
	Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học.	Nếu mức MLSS là thích hợp, nguyên nhân có thể là do sự có mặt của chất hoạt động bề mặt.	Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt.
4. Bùn trong bể MBBR có xu hướng trở nên đen.	Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối	Kiểm tra DO trong bể MBBR và độ mở van máy thổi khí.	Tăng sự thông khí bằng cách đặt thêm máy thổi khí khác để hỗ trợ. Giảm tải trọng bằng cách đặt thêm một bể thông khí khác để hỗ trợ. Kiểm tra hệ thống ống thông khí bị rò rỉ hay không. Rửa sạch những đầu phân phối khí bị tắc hoặc lắp thêm những đầu khác nếu có thể. Tăng công suất máy thổi khí.
5. Có rất nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể MBBR bọt bị kết thành khối.	Một số đầu phân phối khí bị tắc hoặc bị vỡ.	Kiểm tra kỹ các đầu phân phối khí.	Rửa sạch hoặc thay thế các đầu phối khí, kiểm tra lại khí cấp; lắp đặt những bộ lọc khí ở đầu vào máy thổi khí để giảm việc tắc từ khí bẩn.

2. Sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện phòng chống cháy nổ (PCCN) theo quy định.

- Tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về PCCN cho cán bộ nhân viên.

- Thành lập lực lượng PCCN và xây dựng phương án PCCN tại chỗ, tổ chức diễn tập định kỳ để khi có sự cố thì ứng phó kịp thời, có hiệu quả.

- Tiến hành kiểm tra, đôn đốc và nhắc nhở việc thực hiện các quy định an toàn về PCCN trong quá trình vận hành dự án.

3. Sự cố lây lan dịch bệnh

- Ưu tiên tuyển dụng nhân viên là người địa phương.

- Tổ chức kiểm tra sức khoẻ cho cán bộ, công nhân viên định kỳ 01 lần/năm.

- Tuân thủ theo quy định, hướng dẫn của địa phương về ứng phó dịch bệnh.

4. Sự cố do thiên tai

- Thành lập đội phòng chống thiên tai (bão lụt, dông sét) tại Nhà máy để kịp thời ứng phó tại chỗ.

- Xây dựng phương án phòng chống thiên tai và cập nhật, tập huấn, diễn tập định kỳ.

- Định kỳ kiểm tra, gia cố các hạng mục công trình, hệ thống mương, rãnh, hệ thống thoát nước.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Huế để cập nhật thường xuyên các số liệu về tình hình thời tiết, mưa bão tại địa phương từ đó đưa ra biện pháp ứng phó kịp thời khi xảy ra thiên tai.

5. Bãi chứa nguyên liệu bị nước ngập

Để ứng phó sự cố môi trường khi bãi chứa nguyên liệu bị nước ngập tràn qua, kéo theo chất thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh, cần triển khai ngay các biện pháp khẩn cấp nhằm kiểm soát và khắc phục tình trạng như sau:

- Tiến hành ngăn chặn dòng chảy bằng cách đắp đê bao tạm thời hoặc sử dụng các bao cát để hạn chế nước tiếp tục lan rộng;

- Thu gom và hút nước thải bị tràn ra khu vực xung quanh bằng các thiết bị bơm chuyên dụng và chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- Tiến hành thu dọn nguyên liệu rơi vãi và làm sạch bãi chứa để tránh chất ô nhiễm ngấm vào đất và nước;

- Rà soát, gia cố lại hệ thống thoát nước và bãi chứa nguyên liệu để phòng ngừa sự cố xảy ra hoặc trước mùa mưa.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.